

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Số 2061 Ngày 18/02/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 3179/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 06 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên
giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/5/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1852/TTr-STTTT ngày 25/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Tùng bước đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phục vụ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) dựa trên công nghệ số; phát triển chính quyền số, kinh tế số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Sử dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cơ bản

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% khu vực dân cư sinh sống, làm việc và trên 60% hộ gia đình;
- Triển khai dịch vụ mạng di động 4G/5G; phủ cập điện thoại di động thông minh trên 70% người dân;

b) Phát triển chính quyền số

- 100% văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị được trao đổi, liên thông trên môi trường mạng (trừ văn bản mật);
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp mức độ 4 trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; 90% hồ sơ công việc của các cơ quan cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cơ quan cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cơ quan cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật);
- Bảo đảm 100% cuộc họp, hội nghị có thể thực hiện trên môi trường mạng; trên 50% cuộc họp 3 cấp (tỉnh - huyện - xã) được thực hiện trực tuyến;
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia;
- 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;
- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thường xuyên được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng;
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản; đào tạo, bồi dưỡng 50 chuyên gia chuyên đổi số.
- Triển khai tối thiểu 10 dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

c) Phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm tối thiểu 10% GRDP của tỉnh;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Góp phần tăng năng suất lao động bình quân trên 6%/năm;
- Trên 70% doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số; có khoảng 40 doanh nghiệp công nghệ số;
- 55% dân số trở lên tham gia mua sắm trực tuyến, 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ có tài khoản thương mại điện tử; 50% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử.

d) Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%;
- Trên 70% người dân được tiếp cận, sử dụng bình đẳng các dịch vụ thiết yếu (chính quyền số, y tế, giáo dục, thông tin, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường);

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển hạ tầng số

- Nâng cao chất lượng dịch vụ internet; phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang trên 80% hộ gia đình;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; phổ cập điện thoại di động thông minh trên 80% người dân;

b) Phát triển chính quyền số

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông là hạ tầng thiết yếu cho chuyển đổi số và đô thị thông minh; phát triển chính quyền thông minh, ứng dụng phân tích dữ liệu và hỗ trợ của trí tuệ nhân tạo vào hoạt động quản lý và phục vụ của chính quyền;

- Bổ sung các dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 đủ điều kiện, bảo đảm 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; cung cấp 30% dịch vụ mới dựa trên dữ liệu;

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật);

- Bảo đảm 100% cuộc họp, hội nghị có thể thực hiện trực tuyến mọi lúc, mọi nơi, trên nhiều thiết bị; trên 70% cuộc họp 3 cấp (tỉnh - huyện - xã) được thực hiện trực tuyến;

- 70% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- 100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị, và doanh nghiệp thường xuyên được giám sát, đảm bảo an toàn, an ninh mạng;

- Triển khai dịch vụ đô thị thông minh tại tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

c) Phát triển kinh tế số

- Kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP của tỉnh;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 15%;
- Góp phần tăng suất lao động bình quân tối thiểu 7%/năm;
- Trên 90% doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, tiến tới nền quản trị, sản xuất thông minh; có khoảng 50 doanh nghiệp công nghệ số;
- 66% dân số trở lên tham gia mua sắm trực tuyến, 70% doanh nghiệp vừa và nhỏ có tài khoản thương mại điện tử. 60% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử;
- Thực hiện chuyển đổi số tổng thể, toàn diện trong tất cả các ngành, lĩnh vực;
- Không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo về thông tin.

d) Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%;
- 100% người dân được tiếp cận, sử dụng bình đẳng tất cả các dịch vụ cơ bản trên môi trường số;
- Tối thiểu 70% số xã trên địa bàn tỉnh cơ bản chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

- Chuyển đổi nhận thức: Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về chuyển đổi số. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị mình phụ trách; tiên phong đi đầu trong việc chuyển đổi số; đổi mới phương thức, lề lối làm việc; phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, địa phương, đơn vị; Lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí, đánh giá xếp loại và thực hiện công tác cán bộ.

- Kiến tạo thể chế: Rà soát quy hoạch tổng thể về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 phù hợp với yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Ban hành Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với Kiến trúc Chính phủ số quốc gia. Khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận, thử nghiệm các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh; các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên công nghệ số một cách có kiểm soát (sandbox). Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp

luật, cơ chế chính sách và ban hành các hướng dẫn để hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng số: Phát triển hạ tầng viễn thông là hạ tầng thiết yếu cho chuyển đổi số: Cấp quang hóa đến các khu vực dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố); nâng cấp mạng di động 4G, triển khai hạ tầng mạng di động 5G; phổ cập internet băng rộng, điện thoại thông minh tới người dân, đặc biệt tới các vùng công ích. Triển khai hạ tầng internet vạn vật (IoT) phục vụ chính quyền số gắn với phát triển đô thị thông minh. Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho hạ tầng kết nối, thiết bị, ứng dụng các cơ quan Đảng, Nhà nước. Triển khai Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) để quản lý, vận hành, giám sát hệ thống các đô thị thông minh của tỉnh.

- Phát triển dữ liệu số: Tiếp tục xây dựng các cơ sở dữ liệu trọng yếu của quốc gia (dân cư, đất đai, tài chính, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, nông nghiệp); xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu mở và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; cơ sở dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước.

- Phát triển nền tảng số: Ứng dụng hiệu quả các nền tảng dùng chung quốc gia (nền tảng thanh toán điện tử, nền tảng thông tin định danh cá nhân) và cơ sở dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ cấp tỉnh (LGSP), kết nối đồng bộ toàn tỉnh, liên thông nền tảng tích hợp và chia sẻ quốc gia (NGSP) bảo đảm đồng bộ các hệ thống dữ liệu của quốc gia, của tỉnh và các ngành. Xây dựng nền tảng đô thị thông minh của tỉnh Điện Biên phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh. Triển khai nền tảng Internet vạn vật IoT; Nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI)...

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng: Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; Tăng cường nhân lực, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại, đảm bảo chủ động phòng ngừa, ứng phó với nguy cơ, hạn chế các tác động tiêu cực trong quá trình chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức chung của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về an toàn, an ninh mạng để mọi người dân đều có ý thức tuân thủ quy định giữ an toàn thông tin chung của cơ quan, đơn vị, cộng đồng gắn liền với quyền lợi cá nhân.

- Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số: Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng chuyển đổi số; tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động và người dân về chương trình, chiến lược chuyển đổi số. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề của tỉnh; đưa nội dung đào tạo về chuyển đổi số vào giảng dạy trong các

trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành công dân số trong tương lai.

2. Phát triển Chính quyền số

- Cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện lên mức độ 4. Đẩy mạnh cung cấp, tiếp nhận, giải quyết các TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; Triển khai nền tảng Phản ánh hiện trường giúp người dân phản ánh trong đời sống nhanh chóng, kịp thời đến các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời.

- Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia của người dân. Thiết lập Tổng đài tự động ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ giải đáp thủ tục hành chính.

- Xây dựng Hệ thống quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO) phục vụ cung cấp dịch vụ công cho người Dân và doanh nghiệp tại tỉnh. Thực hiện thu phí, lệ phí các dịch vụ công không dùng tiền mặt.

- Triển khai dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng, ban hành Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với Kiến trúc Chính phủ số quốc gia.

- Phát triển Hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng an toàn, bảo mật.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống họp trực tuyến của tỉnh đến 100% các xã, phường, thị trấn. Bảo đảm điều kiện các cuộc họp có thể diễn ra được mọi lúc, mọi nơi, trên nhiều loại thiết bị, nhiều cuộc họp đồng thời. Kết nối với hệ thống họp trực tuyến của Chính phủ, các bộ ngành trung ương và địa phương.

- Số hóa hồ sơ, văn bản, tài liệu, mọi quy trình nghiệp vụ và giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức và giữa các cơ quan, tổ chức với người dân, doanh nghiệp. Duy trì, nâng cấp hệ thống quản lý, điều hành văn bản, bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của tỉnh, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Các hồ sơ điện tử về dịch vụ công cần được quản lý bằng các hệ thống quản lý hồ sơ. Nâng cấp ứng dụng trên điện thoại thông minh, hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo, thực hiện lưu trữ văn bản điện tử theo quy định, kết nối các hệ thống của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp,...

- Triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ cho các cuộc họp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cuộc họp của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp khi cần thiết. Xây dựng hệ thống thu thập và tổ chức lưu trữ các báo cáo của tỉnh và các đơn vị trực thuộc của tỉnh. Xây dựng hệ thống tự động phân tích văn

bản báo cáo và đưa ra các nhận định, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời.

3. Phát triển Kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế, trọng tâm chuyển đổi hướng tới: Sản phẩm, dịch vụ thông minh, sản xuất thông minh và quản trị thông minh.

- Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số và cung cấp hệ thống các dịch vụ số trong cộng đồng, đặc biệt ưu tiên các dịch vụ về giáo dục, chăm sóc y tế, hành chính công, thanh toán không dùng tiền mặt, nông nghiệp, du lịch...;

- Phát triển bưu chính số để bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của thương mại điện tử, của nền kinh tế số, xã hội số để chia sẻ, hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo và tiên phong trong giải quyết các vấn đề xã hội.

4. Phát triển Xã hội số

- Triển khai Hệ thống xác thực công dân số để xác thực danh tính công dân trên môi trường mạng; Cập nhật mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode) cho các hộ gia đình, đảm bảo mỗi hộ gia đình có một địa chỉ số.

- Đẩy nhanh việc cung cấp và sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử.

- Triển khai chuyển đổi số tại các xã trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, đảm bảo tối thiểu 70% số xã trên địa bàn tỉnh cơ bản chuyển đổi số.

5. Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, di sản văn hóa: Triển khai phần mềm du lịch thông minh; xây dựng Điện Biên trở thành “*Điểm đến tự hào*”. Số hóa các sản phẩm du lịch (di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể và hiện vật bảo tàng tỉnh Điện Biên), đặc biệt là di tích lịch sử Quốc gia Chiến trường Điện Biên Phủ, để nâng cao trải nghiệm du khách; chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị, quảng bá du lịch theo hướng “*cá nhân hóa*”; xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nâng cao chất lượng phục vụ, hiệu quả khai thác.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: Phát triển chính quyền số lĩnh vực y tế đồng bộ gắn liền với hệ thống y tế trên nền tảng số: Hiện đại hóa nền hành chính, Khám chữa bệnh từ xa; triển khai bệnh án điện tử; đơn thuốc điện tử; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, Giám sát dịch bệnh và tự dự báo ổ dịch, triển khai sáng kiến “*Mỗi người dân có một bác sĩ riêng*” mỗi người dân có một hồ sơ số sức khỏe.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: Xây dựng Hệ sinh thái điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trên nền tảng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đáp ứng được mục tiêu chuyển đổi số theo chương

trình chuyển đổi số quốc gia. Tối ưu hóa trải nghiệm học tập của học sinh, sinh viên và khuyến khích thử nghiệm các mô hình đào tạo mới. Triển khai “*Trường học thông minh*” tại 02 trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ và 10 trường trung học cơ sở tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao cả trong quản lý và sản xuất, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. (1) Áp dụng chuyển đổi số trong canh tác nông nghiệp: Hệ thống cảm biến, Robot, máy bay không người lái; (2) Liên kết chuỗi: Xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp thông minh bằng sử dụng các phần mềm quản lý: Từ sản xuất đến chế biến, bảo quản đến tiêu thụ sản phẩm; (3) Thay đổi quản trị doanh nghiệp, hợp tác xã: Sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác đào tạo, tập huấn; (4) Quản lý trong lĩnh vực chuyên ngành: Sử dụng các phần mềm phòng chống cháy rừng, cảnh báo mưa lũ, quản lý sử dụng các hồ chứa...; Xây dựng bản đồ số quy hoạch các lĩnh vực trong nông nghiệp...

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông và logistic: Triển khai hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh tại các đô thị; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistic. Triển khai nền tảng số quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực thông tin và truyền thông: Thực hiện chuyển đổi số hạ tầng viễn thông thành hạ tầng thiết yếu cho chuyển đổi số và đô thị thông minh; chuyển đổi hạ tầng chính quyền điện tử thành hạ tầng chính phủ số. Ứng dụng các nền tảng số dùng chung thúc đẩy chuyển đổi số; bảo đảm an toàn an ninh mạng. Thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, trọng tâm vào quản trị, hoạt động sản xuất, sáng tạo nội dung, đo lường khán giả, truyền dẫn trên các nền tảng số.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 1.604.314 triệu đồng; Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 332.711 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 344.249 triệu đồng

- Nguồn vốn doanh nghiệp, xã hội hóa: 927.345 triệu đồng

2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

- Chuyển đổi nhận thức: Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm về chuyển đổi số trong phạm vi cơ quan, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; đổi mới phương thức, lề lối làm việc; phát triển môi

trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, địa phương, đơn vị; tiên phong chấp nhận thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới để thay đổi, tạo đột phá vì mục tiêu phát triển bền vững.

- Hạ tầng số: Phát triển hạ tầng viễn thông là hạ tầng thiết yếu cho chuyển đổi số: Cáp quang hóa đến các khu vực dân cư sinh sống, làm việc; nâng cấp mạng di động 4G, triển khai hạ tầng mạng di động 5G; phổ cập internet băng rộng, điện thoại thông minh tới người dân, đặc biệt tới các vùng công ích. Mở rộng, kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Phát triển hạ tầng kết nối phục vụ xây dựng chính quyền số trên cơ sở kết hợp giữa mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet công cộng và các trung tâm dữ liệu. Thực hiện chuyển đổi IPv6 cho hạ tầng kết nối, thiết bị, ứng dụng các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tăng cường nhân lực, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại, đảm bảo chủ động phòng ngừa, ứng phó với nguy cơ, hạn chế các tác động tiêu cực trong quá trình chuyển đổi số.

2. Giải pháp phát triển chính quyền số

Cụ thể hóa và thể chế hóa các chủ trương, chính sách, quy định về ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền số của tỉnh, gồm:

- Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp tại các cơ quan. Chuẩn hóa các quy định về tạo nguồn thông tin, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị được thuận lợi và an toàn.

- Xây dựng các giải pháp cải cách dịch vụ hành chính công tỉnh Điện Biên; rà soát, tối ưu hoá và đổi mới phương thức cung cấp các dịch vụ công.

- Cập nhật Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 phù hợp với Kiến trúc Chính phủ số quốc gia, đảm bảo kết nối liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số phải vừa bao quát, vừa cụ thể với lộ trình phù hợp, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên trước, tiến đến chuyển đổi số toàn diện, để toàn dân có thời gian hiểu biết, làm quen và thích ứng dần với quá trình chuyển đổi số.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước: Ứng dụng công nghệ số để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của đảng và Nhà nước; cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn và nhanh hơn; Ứng dụng khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ ra quyết định dựa trên xử lý dữ liệu lớn và dữ liệu tích hợp toàn tỉnh;

- Cán bộ, công chức được đào tạo để nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và có đầy đủ thông tin, dữ liệu.

3. Giải pháp phát triển kinh tế số

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng

thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 phê duyệt Đề án "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030". Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các hiệp hội thuộc các ngành khác nhau để tranh thủ sự hỗ trợ của các công ty tư vấn quản lý và công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm chuyển đổi số.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tạo điều kiện thuận lợi hoạt động chuyên giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ số; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp số.

- Xây dựng kế hoạch giao nhiệm vụ đóng góp cụ thể của các doanh nghiệp CNTT-TT hoạt động trong tỉnh vào chuyển đổi số của tỉnh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chuyển đổi số của doanh nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông để nâng cao năng suất lao động và có kinh nghiệm, phục vụ tốt hơn cho công cuộc chuyển đổi số của tỉnh.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động tích hợp công nghệ số, thúc đẩy phát triển những giải pháp sản xuất và kinh doanh dựa trên số hóa; tối ưu hóa mô hình kinh doanh, sử dụng hiệu quả chuỗi cung ứng thông minh. Phát triển kỹ năng mới cho đội ngũ nhân viên như tăng cường năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển.

4. Giải pháp phát triển xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân để hình thành công dân số.

- Xây dựng các dịch vụ số trên nền tảng chính quyền số, đô thị thông minh qua nhiều kênh giao tiếp giúp người dân lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu như: Sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh, phản ánh, kiến nghị của người dân, các tiện ích của thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ...mang lại sự hài lòng cho người dân.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử, nhằm thúc đẩy tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể mua bán sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng.

- Nâng cao văn hoá khai thác và ý thức sử dụng CNTT từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp

phần hình thành xã hội thông tin, gắn kết với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người sử dụng.

5. Giải pháp tổ chức quản lý, triển khai thực hiện Đề án

5.1. Về quản lý:

- Tại cấp tỉnh: Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh để chỉ đạo triển khai hoạt động chuyển đổi số của tỉnh bổ sung thêm các chức năng, nhiệm vụ về nghiên cứu, đề xuất Lãnh đạo tỉnh về chủ trương, chính sách, kế hoạch thúc đẩy xây dựng, phát triển cho chuyển đổi số. Tổ chức có hiệu quả hoạt động của Tổ ứng cứu an toàn thông tin mạng của tỉnh.

- Tại cấp huyện: Thành lập các Ban Chỉ đạo tương ứng với mô hình cấp tỉnh để triển khai Đề án trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

5.2. Về triển khai thực hiện:

- Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng và nhà nước, phát triển Chính quyền số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, các ngành, địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chuyển đổi số tại địa phương.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách về đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, chế độ đãi ngộ phù hợp cho cán bộ, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; cơ chế chính sách về khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư, tham gia triển khai Đề án trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao khả năng tương tác của người dân với chính quyền số; tăng cường sự tham gia của người dân sử dụng các dịch vụ, nền tảng do chuyển đổi số mang lại. Tổ chức hướng dẫn học sinh từ bậc trung học cơ sở trở lên sử dụng các dịch vụ, nền tảng số để hướng dẫn cho phụ huynh tham gia sử dụng công nghệ số.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan Nhà nước; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân, giám sát thông tin về tình Điện Biên trên môi trường mạng.

- Nâng cao văn hoá khai thác và ý thức sử dụng công nghệ số từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội thông tin, gắn kết với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người sử dụng.

6. Giải pháp về nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Hình thành Mạng lưới chuyển đổi số (Mạng lưới), gồm: Các thành viên của Ban Chỉ đạo và Tổ ứng cứu an toàn thông tin mạng của tỉnh, nhân sự huy động từ lực lượng đoàn thanh niên, nhân sự của các doanh nghiệp bur chính, viễn thông, doanh nghiệp CNTT thường trực tại địa bàn huyện, xã tham gia Mạng lưới. Sử dụng nền tảng số trong kết nối, thực hiện nhiệm vụ.

- Phát triển các hình thức liên kết đào tạo; nâng cao chất lượng nhân lực chuyển đổi số. Chú trọng đào tạo chuyên sâu về kỹ năng chuyển đổi số. Xây dựng chương trình phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tập đoàn, doanh nghiệp để hỗ trợ nhân lực chuyển đổi số làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu,...

- Công dân số được nâng cao văn hoá số về khả năng truy cập các nguồn thông tin số, khả năng giao tiếp trong môi trường số, có kỹ năng số cơ bản khai thác và ý thức sử dụng công nghệ số từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội số, gắn kết với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người sử dụng.

- Tổ chức thực hiện phải đạt hiệu quả tốt về mặt truyền thông, đồng thời tạo sự chuyển biến nhận thức của toàn xã hội về chuyển đổi số trên mọi phương diện của cuộc sống.

7. Giải pháp về cơ chế tài chính

- Hằng năm ưu tiên kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách chi thường xuyên các ngành, các cấp (tối thiểu 1%) bố trí cho ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền số, thành phố thông minh và các nguồn huy động hợp pháp khác để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai các nội dung Đề án.

- Lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; sử dụng có hiệu quả, hợp lý nguồn lực theo các mục tiêu, trong đó: Quan tâm chính sách hỗ trợ kinh phí trang bị các thiết bị thông tin số cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Huy động nguồn xã hội hoá, nguồn đầu tư của các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp quản lý và vận hành hạ tầng thiết yếu để triển khai thực hiện đề án.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trên cơ sở kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên để chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai đề án và các hoạt động chuyển đổi số tại tỉnh Điện Biên.

- Nghiên cứu, đề xuất tham mưu cho UBND tỉnh về chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử tinh hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; tiếp cận và đẩy mạnh việc ứng dụng thành tựu về Cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số; phát triển Chính quyền số, các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung, các dịch vụ nền tảng công nghệ đô thị thông minh, bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh; Chủ trì thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì tham mưu danh mục các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ số, công nghệ thông tin để làm cơ sở thu hút, mời gọi đầu tư.

- Tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho đội ngũ chuyên gia, cán bộ CCVC.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Nghị quyết, đề án về chuyển đổi số.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của đề án và phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Đề án. Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm tổng hợp Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết, Đề án về UBND tỉnh để báo cáo Tỉnh ủy theo quy định. Chủ động tham mưu cho UBND tỉnh sơ kết, tổng kết Nghị quyết để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu cho UBND tỉnh đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và đào tạo, tư vấn chuyển giao công nghệ ưu tiên để chủ động tham gia cuộc CMCN4.0; tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi

nghiệp đổi mới sáng tạo tinh. Phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

4. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn khác, tham mưu, trình UBND tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí sự nghiệp để thực hiện Đề án theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, bố trí nguồn kinh phí đầu tư (từ nguồn ngân sách tỉnh, trung ương, ...) để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh theo đề án được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị.

6. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Hàng năm lựa chọn, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số; Đưa vào đánh giá thi đua khen thưởng trách nhiệm người đứng đầu về kết quả triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương mình.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; hình thành các tổ chức (mới hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho tổ chức hiện có) để phục vụ triển khai chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị.

7. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan có trách nhiệm, nghiên cứu, đề xuất các nội dung để phát triển thương mại điện tử và kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo; triển khai nền tảng dạy học từ xa; xây dựng

và đưa vào trong chương trình giáo dục phổ thông phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu,...; triển khai phổ cập kỹ năng số cho giáo viên, học sinh các cấp học, đặc biệt thanh thiếu niên là lực lượng nòng cốt, hỗ trợ cho phụ huynh, người lớn tuổi.

- Thúc đẩy các cơ sở đào tạo đại học trên địa bàn tỉnh ưu tiên đào tạo, phát triển đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ 4.0 như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu,...; đầu tư nguồn lực cho các phòng thí nghiệm, các dự án nghiên cứu triển khai, ứng dụng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và các công nghệ 4.0 thông qua việc đào tạo hướng thực tế.

9. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai Chuyển đổi số trong ngành Y tế; tập trung triển khai các hạ tầng, nền tảng khám chữa, phòng chống dịch bệnh; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khoẻ và phòng bệnh dựa trên công nghệ số.

- Triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khoẻ cá nhân.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai Chuyển đổi số lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Thực hiện Chuyển đổi số trong công tác quản lý để kịp thời cảnh báo mưa lũ, phòng chống thiên tai, dự báo thị trường, quản lý quy hoạch, quản lý chất lượng...

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai Chuyển đổi số lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả như CSDL về đất đai, tài nguyên khoáng sản...

- Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý môi trường, cảnh báo sớm thiên tai...

12. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai Chuyển đổi số lĩnh vực Giao thông Vận tải; phát triển hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh tại các đô thị, xây dựng nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước của ngành.

13. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai Chuyển đổi số lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch; tập trung xây dựng nền tảng du lịch thông minh, xây dựng và triển khai giải pháp du lịch công nghệ 3D đối với những di tích

lịch sử quan trọng; số hóa di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể và hiện vật Bảo tàng nhằm phục vụ phát triển du lịch Điện Biên.

14. Các sở, ban, ngành tỉnh; Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực quản lý và tại cơ quan, đơn vị.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị có trách nhiệm xây dựng các dự án, chương trình, kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông các đơn vị liên quan trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Chủ động bố trí ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Đề án theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) trước ngày 10/12 hằng năm.

15. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn ở cả 3 trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Hoàn thành trước 31/12/2021.

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ đạo công tác chuyển đổi số trên địa bàn và chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số tại địa phương quản lý.

- Chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương, huy động, bố trí, lồng ghép với các nguồn vốn khác để bảo đảm nguồn lực thực hiện.

- Báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) trước ngày 10/12 hằng năm.

16. Các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh

- Tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

- Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

- Thực hiện chuyển đổi số trong tại cơ qua, đơn vị, trọng tâm vào quản trị, hoạt động sản xuất, sáng tạo nội dung, đo lường khán giả, truyền dẫn trên các nền tảng số.

17. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Các doanh nghiệp bur chính, viễn thông, CNTT xây dựng, đầu tư, nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã

hội số; triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp mình và dẫn dắt các doanh nghiệp ngành nghề khác trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số.

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Câu lạc bộ doanh nghiệp các huyện, thị xã, thành phố: Thông tin và hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- L/đ UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN_(LVC)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(kèm theo Quyết định số 3119 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
A	PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ										
1	Chuyển đổi nhận thức										
1.1	Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số;	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Xã, phường, thị trấn	2021-2025	1.500			1.500			
1.2	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	950			950			
1.3	Tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” kết hợp công bố và quảng bá các sản phẩm địa phương; Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	1.500			1.500			
1.4	Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về Chương trình chuyển đổi số	Các cơ quan thông tin đại chúng địa phương và trung ương	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	3.000			3.000			
1.5	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng	Sở Thông tin và Truyền thông; Các doanh nghiệp viễn thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	6.500			1.500	5.000	- NSNN thuộc Chương trình MTQG Xây dựng NTM (sản xuất tin, bài, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; Mỗi năm 300 triệu) - Nguồn doanh nghiệp viễn thông tuyên truyền qua mạng viễn thông hệ thống tin nhắn SMS	
2	Kiến tạo thể chế										
2.1	Rà soát quy hoạch tổng thể về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	0						

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
2.2	Xây dựng, đề xuất cơ chế cho phép triển khai thí điểm các mô hình và công nghệ mới đặc biệt công nghệ 4.0 theo cơ chế thử nghiệm, có kiểm soát về phạm vi, không gian và thời gian thử nghiệm;	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	0						
2.3	Xây dựng và ban hành các quy định về việc thu thập, quản lý, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trên môi trường số trong các cơ quan nhà nước của Tỉnh (dữ liệu và dữ liệu mở)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố;	2021-2025	0						
2.4	Rà soát, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	1.000				1.000		
2.5	Xây dựng quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trên phạm vi toàn tỉnh trên nền tảng chung chính sách của quốc gia.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	0						
2.6	Xây dựng và ban hành các quy định về quản trị, giám sát và vận hành hệ thống CNTT cho Hệ thống thông tin Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	0						
2.7	Ban hành bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp ngành, địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh. Đưa chuyển đổi số vào trong tiêu chí đánh giá các chỉ số của tỉnh: Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan hành chính tỉnh, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) và các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	0						
2.8	Đề xuất, ban hành các chính sách cụ thể về thuế, phí như phí sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến, lệ phí thủ tục hành chính ... để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp dịch vụ số	Sở Tài chính	Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước;	2021-2025	0						
2.9	Đề xuất, ban hành cơ chế chính sách ưu tiên doanh nghiệp địa phương để đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động nguồn lực doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	0						

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
2.10	Đề xuất, ban hành các chính sách thu hút, chế độ đãi ngộ, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chuyên đổi số, chuyên gia chuyển đổi số, các chính sách nhằm hỗ trợ phát triển thị trường số, đặc biệt chú ý đến việc khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ số được tạo ra trong tỉnh	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	0						
3	Phát triển hạ tầng số										
3.1	Triển khai Cấp quang hóa đến các khu vực dân cư sinh sống, làm việc(thôn, bản, tổ dân phố); nâng cấp mạng di động 4G, triển khai hạ tầng mạng di động 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	500.000					500.000	
3.2	Triển khai chương trình mỗi người dân sử dụng dịch vụ viễn thông di động có điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số	Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	253.424		21.750			231.674	CTMTQG phát triển KT-XH dân tộc thiểu số và miền núi; CT VTCI giai đoạn 2021-2025
3.3	Chuyển đổi IPv6 cho hệ thống công nghệ thông tin các cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên	Sở Thông tin và Truyền thông; Các doanh nghiệp viễn thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	3.000				3.000		
3.4	Nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã	Các doanh nghiệp viễn thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	3.000					3.000	
3.5	Triển khai hệ thống mạng Wifi công cộng tại các điểm công cộng trên địa bàn tỉnh	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	1.680					1.680	
3.6	Đầu tư phát triển mới, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	40.961	27.621	13.340				Vốn thuộc CTMTQG xây dựng NTM, Giảm nghèo bền vững và CTMTQG phát triển KT_XH vùng đồng bào dân tộc miền núi
4	Phát triển dữ liệu số										
4.1	Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Điện Biên	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	100.000	100.000					KH đầu tư công 2021-2025
4.2	Hoàn thiện CSDL đất đai, xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quỹ đất, chia sẻ dữ liệu và bản đồ nền của các huyện Điện Biên Đông, Mường Ảng, Tủa Chùa, Thị xã Mường Lay và Thành phố Điện Biên Phủ về Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	12.000				12.000		Nguồn sự nghiệp cấp Sở Tài nguyên và Môi trường và 10% nguồn thu sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
4.3	Xây dựng Hệ thống CSDL thanh tra, khiếu nại, tố cáo của tỉnh, kết nối, tích hợp với CSDL và phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành của các sở, ban, ngành và các hệ thống ứng dụng của các cơ quan Trung ương trên địa bàn.	Thanh tra tỉnh	Các Sở ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	3.000				3.000		
4.4	Số hóa tài liệu kho lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	Sở Nội vụ	Các Sở ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	17.000			17.000			Kế hoạch đầu tư công 2021-2025
5	Xây dựng nền tảng số										
5.1	Nâng cấp nền tảng tích hợp và chia sẻ cấp tỉnh (LGSP), kết nối đồng bộ toàn tỉnh, liên thông nền tảng tích hợp và chia sẻ quốc gia (NGSP) bảo đảm đồng bộ các hệ thống dữ liệu quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	10.000				10.000		
5.2	Xây dựng nền tảng công nghệ thành phố thông minh tỉnh Điện Biên	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	110.000	110.000					Kế hoạch đầu tư công 2021-2025
5.3	Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	3.000				3.000		
5.4	Hoàn thiện nền tảng thanh toán trực tuyến	Các Doanh nghiệp viễn thông; Ngân hàng	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	5.000					5.000	
5.5	Xây dựng nền tảng kết nối internet vạn vật IoT (IoT Platform) nhằm kết nối, tích hợp, cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước...	Các doanh nghiệp viễn thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	50.000					50.000	
6	Bảo đảm an toàn không gian mạng										
6.1	Đào tạo, diễn tập nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, đơn vị thường trực Đội ứng cứu, cán bộ chuyên trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách công nghệ thông tin các doanh nghiệp, tổ chức	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	500				500		
6.2	Đầu tư xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng cho hệ thống mạng của các sở, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	60.000	60.000					KH đầu tư công 2021-2025
7	Phát triển nguồn nhân lực				0						

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
7.1	Xây dựng kế hoạch, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số (khoảng 50 người) làm nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	0						
7.2	Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề của tỉnh; đưa nội dung đào tạo về chuyển đổi số vào giảng dạy trong các trường THCS, THPT trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành công dân số trong tương lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	0						
B	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ										
1	Đầu tư nâng cấp các hệ thống dùng chung tỉnh Điện Biên	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	5.000				5.000		
2	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Thông tin và Truyền thông; Các huyện, thị, thành ủy	2021-2025	25.462			22.460	3002		Nguồn vốn theo Đề án 04-ĐA/TU ngày 03/11/2021 của BTU Tỉnh ủy về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng
3	Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, triển khai áp dụng cho tất cả các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	4.000				4.000		
4	Thuê Hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	6.000				6.000		
5	Nâng cấp Công nghệ thông tin điện tử của tỉnh Điện B	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp; UBND các xã, phường, thị trấn	2021-2026	12.450				12.450		
C	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ										
1	Chuyển đổi số trong từng doanh nghiệp viên thông, doanh nghiệp nhà nước hướng đến chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương	2021-2025	50.000					50.000	
2	Phát triển các sản phẩm nội dung số, truyền thông số và quảng cáo số	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	10.000					10.000	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
3	Phát triển hạ tầng bưu chính trở thành một bộ phận trong hệ thống logistic về thương mại điện tử. Áp dụng nền tảng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic	Các doanh nghiệp bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	30.000					30.000	
4	Tuyên truyền, đào tạo kỹ năng thương mại điện tử cho người dân và doanh nghiệp nhằm nâng cao trình độ tham gia và khai thác các ứng dụng thương mại điện tử của doanh nghiệp, tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng với những hành vi tiêu cực trong thương mại điện tử	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	1.000				500	500	
5	Tổ chức các sự kiện thương mại điện tử thường niên mang tính kích cầu cho thị trường (Hội thảo, diễn đàn về thương mại điện tử mỗi năm 01 lần)	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành; Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2021-2025	1.000				500	500	
D	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN										
VII	Lĩnh vực Du lịch, di sản văn hóa										
1	Xây dựng, triển khai phần mềm du lịch thông minh phục vụ phát triển du lịch Điện Biên	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	5.200				5.200		Công văn số 2000/UBND-KGVX ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Điện Biên
2	Hiện đại hoá phòng trưng bày giới thiệu tổng thể Chiến dịch Điện Biên Phủ trong Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2021-2025	15.000				15.000		Công văn số 2770/UBND-KGVX ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Điện Biên
3	Xây dựng hệ thống Quản lý, số hóa di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể và hiện vật bảo tàng tỉnh Điện Biên	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, tx, tp	2022	4.950				4.950		Công văn số 3500/UBND-KGVX ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh Điện Biên
II	Lĩnh vực y tế										
1	Hệ thống thông tin chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh trên công nghệ số	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	10.000				10.000		KH 1208/KH-UBND
2	Hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2026	20.000				20.000		KH 1208/KH-UBND
3	Xây dựng hệ thống quản trị y tế thông minh; Công dữ liệu khám chữa bệnh; Trung tâm điều hành y tế thông minh; Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm; ..	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	25.500				25.500		KH 1208/KH-UBND
4	Hệ thống thông kê y tế điện tử	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh	2021-2025	10.000				10.000		KH 1208/KH-UBND

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú	
					Tổng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương			Doanh nghiệp, xã hội hóa
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
1	Phần mềm phục vụ nông nghiệp số	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	4.000				4.000		Kế hoạch số 1220/KH-SNN ngày 07/6/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp
2	Phần mềm cập nhật dữ liệu về kết quả quản lý các sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	2.000				2.000		
V	Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông										
1	Chuyển đổi số trong phát thanh, truyền hình	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	10.000				10.000		
2	Chuyển đổi số trong Báo Điện Biên Phủ	Báo Điện Biên Phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2025	5.000				5.000		
3	Chuyển đổi số công tác QLNN Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	5.000				5.000		
	TỔNG				1.604.314	297.621	35.090	39.460	304.789	927.354	